

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2025/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Địa chỉ: Số 89, phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như G, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/3/2026).

Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Hữu Ngh, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 4005/2026/UQN-PLTH2 ngày 11/5/2026).

- Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Công ty cổ phần J.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 15, Tòa nhà Central, số 219, phường Y, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Phúc Th, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 08/2026/UQ-TGD ngày 11/5/2026).

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thành D, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Trần Bắc Đ, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 7405/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 11/5/2026).

- Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Tổ 70A, khu 6C, phường N, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hương G, chức vụ: Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Hương G, sinh năm 1981.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950.

Đều đăng ký thường trú: Tổ 70A, khu 6C, phường N, tỉnh P.

Hiện đang ở: Tổ 4D, khu D, phường V, tỉnh P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nội dung các đương sự thống nhất:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T; Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J và bị đơn Công ty TNHH H do bà Lê Thị Hương G là người đại diện theo pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hương G, bà Nguyễn Thị N thống nhất xác nhận đến ngày 23/6/2026 Công ty TNHH H còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J theo Hợp đồng cho vay số: 270318-4549634-01-SME ngày 28/03/2018; Hợp đồng cho vay số 240419-4549634-01-SME ngày 24/04/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 170518-4549634-01-SME ngày 18/05/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/12/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo tổng số tiền là: 4.887.301.290đ (*Bốn tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm linh một nghìn, hai trăm chín mươi đồng*). Trong đó nợ gốc là: 1.606.279.777đ (*Một tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*); Nợ lãi và lãi chậm trả là: 3.281.021.513đ (*Ba tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, không trăm hai mươi một nghìn, năm trăm mười ba đồng*).

*** Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm:** 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA, số khung: 2D23Z0058670, số máy: YD25839998T, BKS 19C-148.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036933 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/04/2019 đứng tên CT TNHH H và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA, số khung: 2D23Z0057224, số máy: YD25833903T, BKS 19C-148.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036936 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/04/2019 đứng tên CT TNHH H xác lập thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số: 240419-4549634-01-SME/TC ngày 24/4/2019 ký giữa bên thế chấp Công ty TNHH H và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Việt Nam T - Chi nhánh Phú Thọ.

*** Biện pháp bảo đảm khác gồm:**

- Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HD ngày 24/04/2019 bên bảo lãnh bà Lê Thị Hương G đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy Nng cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 240419-4549634-01-SME ngày 24/04/2019 ký giữa Công ty TNHH H và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

- Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HA ngày 18/05/2018 bên bảo lãnh bà Lê Thị Hương G đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều

kiện và không hủy Nng cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 170518-4549634-01-SME ngày 18/05/2018 ký giữa Công ty TNHH H và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

- Hợp đồng bảo lãnh số: 02/HĐBL/VPBANK ngày 18/05/2018 bên bảo lãnh bà Nguyễn Thị N đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy Nng cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 170518-4549634-01-SME ngày 18/05/2018 ký giữa Công ty TNHH H và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

2.2. Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất nghĩa vụ trả nợ:

* Công ty TNHH H; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2600968607; Địa chỉ trụ sở: Tổ 70, khu 6C, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (nay là phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ); Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hương G; Chức vụ: Giám đốc có nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

- Công ty TNHH H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T 05% của Hợp đồng cho vay số: 270318-4549634-01-SME ngày 28/03/2018; Hợp đồng cho vay số: 240419-4549634-01-SME ngày 24/04/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số: 170518-4549634-01-SME ngày 18/05/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 23/6/2026 với tổng số tiền là 211.446.374đ (*Hai trăm mười một triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi tư đồng*). Trong đó nợ gốc: 76.814.008đ (*Bảy mươi sáu triệu, tám trăm mười bốn nghìn, không trăm linh tám đồng*); Nợ lãi và lãi chậm trả là: 134.632.366đ (*Một trăm ba mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Công ty TNHH H có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần J 95% của Hợp đồng cho vay số: 270318-4549634-01-SME ngày 28/03/2018; Hợp đồng cho vay số: 240419-4549634-01-SME ngày 24/04/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số: 170518-4549634-01-SME ngày 18/05/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền là: 4.017.481.113đ (*Bốn tỷ, không trăm mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, một trăm mười ba đồng*); Trong đó nợ gốc: 1.459.466.162đ (*Một tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng*); Nợ lãi và lãi chậm trả: 2.558.014.951đ (*Hai tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, không trăm mười bốn nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*) và 100% khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 24/12/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 23/6/2026 với tổng số tiền là: 658.373.803đ (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm linh ba đồng*). Trong đó nợ gốc: 69.999.607đ (*Sáu mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm linh bảy*

đồng); Nợ lãi là: 588.374.196đ (Năm trăm tám mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* Về tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T; Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J đối với các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA, số khung: 2D23Z0058670, số máy: YD25839998T, BKS 19C-148.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036933 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/04/2019 đứng tên CT TNHH H và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA, số khung: 2D23Z0057224, số máy: YD25833903T, BKS 19C-148.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036936 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23/04/2019 đứng tên CT TNHH H xác lập thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số: 240419-4549634-01-SME/TC ngày 24/4/2019 ký giữa bên thế chấp Công ty TNHH H và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Việt Nam T - Chi nhánh Phú Thọ để thu hồi nợ theo quy định.

* Trường hợp nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH H để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty TNHH H thanh toán hết khoản nợ.

* Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác của Công ty TNHH H vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là bà Lê Thị Hương G, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH H. Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty cổ phần J có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Lê Thị Hương G và bà Nguyễn Thị N để kê biên, phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T; Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là Công ty cổ phần J theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HA ngày

18/05/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/VPBANK-HD ngày 24/04/2019 ký giữa bên bảo lãnh bà Lê Thị Hương G với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Hợp đồng bảo lãnh số: 02/HĐBL/VPBANK ngày 18/05/2018 ký giữa bên bảo lãnh bà Nguyễn Thị N và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hương G là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H tự nguyện xin chịu toàn bộ 56.443.651đ (*Năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam T được trả lại 56.266.438đ (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0006893 ngày 18/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh P.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - P;
- Thi hành án dân sự tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị H

